

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

V/v: Mời báo giá sinh phẩm

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp

Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương có kế hoạch mua sắm hàng hóa diệt côn trùng cho Trung tâm Dịch vụ Y tế dự phòng.

Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương kính mời các đơn vị có năng lực, kinh nghiệm cung cấp báo giá theo các nội dung sau:

### 1. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục, số lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu của các hàng hóa chi tiết tại bản Phụ lục 01 đính kèm.

- Địa điểm bàn giao hàng hóa: Tại Trung tâm Dịch vụ Y tế dự phòng - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

### 2. Mục đích báo giá: cơ sở lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa

### 3. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Trung tâm Dịch vụ Y tế dự phòng - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Số điện thoại: 024.39716353, email: yteduphong@gmail.com,

- Bộ phận văn thư - Phòng Hành chính Vật tư của Viện.

### 4. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Hồ sơ xin gửi qua đường văn thư về Viện theo thông tin sau: Trung tâm Dịch vụ Y tế dự phòng - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương; số 1 Yecxanh, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội; SĐT: 024.39716353

**5. Thời hạn tiếp nhận báo giá:** Từ ngày phát hành đến trước 17h00 ngày 8 tháng 6 năm 2025. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

### 6. Yêu cầu hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Thư chào giá đã bao gồm thuế GTGT và các chi phí giao hàng tại Viện theo mẫu tại bản Phụ lục 02 đính kèm.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

- Hàng hóa chào phải có quy cách đóng gói phù hợp với khối lượng hàng hóa mời chào giá, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của hàng hóa.

- Hồ sơ của hàng hóa, catalogue, tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết (nếu có).

### 7. Yêu cầu đơn vị gửi báo giá:

- Báo giá đúng mục lục, ghi rõ các phần báo giá như trong hướng dẫn.

- Không trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền.
  - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
  - Không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
  - Cam kết giá trị của hàng hóa là phù hợp, không vi phạm pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
  - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.
- Trân trọng cảm ơn./.

*nadu\_mienphi.ThiAnHoa/04/2022/16.41.V*

**Noi nhận:**

- Như trên;
- Website nihe.org.vn;
- Lưu HCVT, KHQT, TTDV.

**KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



*Cao Ngọc Ánh*

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CHI TIẾT HÀNG HÓA

(Kèm theo Công văn số 1137 ngày 04/6/2025 của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương)

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Code/No	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Qui cách đóng gói	Số lượng	Ghi chú
1	Chất thử xét nghiệm Creatinine -CREP2, 200T, cobas c 111	<p>1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương, và nước tiểu người trên hệ thống cobas c 111.</p> <p>2. Thành phần: Creatinine plus ver.2 (2 × 100 tests) R1: Đệm TAPS (N-Tris(hydroxymethyl)methyl-3-aminopropylsulfonic acid): 30 mmol/L, pH 8.1; creatinase (vi sinh): ≥ 332 µkat/L; sarcosine oxidase (vi sinh): ≥ 132 µkat/L; ascorbate oxidase (vi sinh): ≥ 33 µkat/L; catalase (vi sinh): ≥ 1.67 µkat/L; HTIB: 1.2 g/L; chất tẩy; chất bảo quản</p> <p>SR: Đệm TAPS: 50 mmol/L, pH 8.0; creatininase (vi sinh): ≥ 498 µkat/L; peroxidase (củ cải): ≥ 16.6 µkat/L; 4-aminophenazone: 0.5 g/L; kali hexacyanoferrate (II): 60 mg/L; chất tẩy; chất bảo quản</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	05401470190	Roche Diagnostics GmbH-Đức	200 tests/hộp	3	
2	Chất thử sinh hóa - UA2, 400T, cobas c 111	<p>1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng acid uric trong huyết thanh, huyết tương, và nước tiểu người trên hệ thống cobas c 111.</p> <p>2. Thành phần: Uric Acid ver.2 (4 × 100 xét nghiệm) R1: Đệm phosphate: 0.05 mol/L, pH 7.8; TOOS: 7 mmol/L; ete polyglycol cồn béo: 4.8%; ascorbate oxidase (EC 1.10.3.3; bí ngòi): ≥ 83.5 µkat/L (25°C); chất ổn định; chất bảo quản</p> <p>SR: Đệm phosphate: 0.1 mol/L, pH 7.8; K-hexacyanoferrate (II): 0.3 mmol/L; 4-aminophenazone: ≥ 3 mmol/L; uricase (EC 1.7.3.3; Arthrobacter protophormiae): ≥ 83.4 µkat/L (25°C); peroxidase (POD) EC1.11.1.7; cài ngựa): ≥ 50.0 µkat/L (25°C); chất ổn định; chất bảo quản.</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	04657608190	Roche Diagnostics GmbH-Đức	400 tests/hộp	2	
3	Chất thử sinh hóa - TG GPO-PAP 200T cobas c111	<p>1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng triglycerides trong huyết thanh, huyết tương người trên hệ thống cobas c 111.</p> <p>2. Thành phần: Triglycerides (4 × 50 tests) R1 Đệm PIPES: 50 mmol/L, pH 6.8; Mg<sup>2+</sup>: 40 mmol/L; sodium cholate: 0.20 mmol/L; ATP: ≥ 1.4 mmol/L; 4-aminophenazone: ≥ 0.13 mmol/L; 4-chlorophenol: 4.7 mmol/L; lipoprotein lipase (thông số Pseudomonas): ≥ 83 µkat/L; glycerol kinase (Bacillus stearothermophilus): ≥ 3 µkat/L; glycerol phosphate oxidase (E. coli): ≥ 41 µkat/L; peroxidase (cài ngựa): ≥ 1.6 µkat/L; chất bảo quản, chất ổn định</p>	04657594190	Roche Diagnostics GmbH-Đức	200 tests/hộp	4	

		3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng				
4	Chất thử sinh hóa - CHOL2, 400T, cobas c 111	<p>1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng cholesterol trong huyết thanh, huyết tương người trên hệ thống cobas c 111.</p> <p>2. Thành phần: Cholesterol Gen.2 (4 × 100 tests)</p> <p>R1: Đệm PIPES: 225 mmol/L, pH 6.8; Mg<sup>2+</sup>: 10 mmol/L; natri cholate: 0.6 mmol/L; 4-aminoantipyrine: ≥ 0.45 mmol/L; phenol: ≥ 12.6 mmol/L; fatty alcohol polyglycol ether: 3 %; CE (Pseudomonas spec.): ≥ 25 µkat/L (≥ 1.5 U/mL); CHOD (E. coli): ≥ 7.5 µkat/L (≥ 0.45 U/mL); POD (củ cải): ≥ 12.5 µkat/L (≥ 0.75 U/mL); chất ổn định; chất bảo quản</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	04718917190	Roche Diagnostics GmbH-Đức	400 tests	2
5	Chất thử sinh hóa - UREAL, 400T, cobas c 111	<p>1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng urea/urea nitrogen trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người trên hệ thống cobas c 111.</p> <p>2. Thành phần: Urea/BUN (4 × 100 tests)</p> <p>R1 : Đệm TRIS: 220 mmol/L, pH 8.6; 2-oxoglutarate: 73 mmol/L; NADH: 2.5 mmol/L; ADP: 6.5 mmol/L; urease (đậu): ≥ 300 µkat/L; GLDH (gan bò): ≥ 80 µkat/L; chất bảo quản</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	04657616190	Roche Diagnostics GmbH-Đức	400 tests	2
6	Chất thử sinh hóa dùng trên máy phân tích sinh hóa - GGT-2, 200T, cobas c	<p>1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng γ-glutamyltransferas trong huyết thanh, huyết tương người trên hệ thống cobas c 111.</p> <p>2. Thành phần: γ-Glutamyltransferase ver.2 (2 × 100 tests)</p> <p>R1: TRIS: 492 mmol/L, pH 8.25; glycylglycine: 492 mmol/L; chất bảo quản; chất phụ gia SR:L-γ-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: 22.5 mmol/L; acetate: 10 mmol/L, pH 4.5; chất ổn định; chất bảo quản</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	05401461190	Roche Diagnostics GmbH-Đức	200 tests	3
7	Bộ phận của máy c111 - Kim hút mẫu thử - PROBE C111, SET OF 2	<p>1. Mục đích sử dụng: Hút mẫu đo.</p> <p>2. Thành phần: Kim loại</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ thường</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	04793773001	Roche Diagnostics GmbH-Đức	1 PC/hộp	1
8	Bóng đèn ha-lo-gen dùng cho máy sinh hóa- LAMP HALOGEN 12V/20W ASSY	<p>1. Mục đích sử dụng: Đo mẫu.</p> <p>2. Thành phần: Thủy tinh, kim loại, dây điện, nhựa</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ thường</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	05344620001	Roche Diagnostics GmbH-Đức	1 pcs/hộp	1

9	Chất thử sinh hóa- AST/GOT 400T cobas c 111	<p>1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng aspartate aminotransferase trong huyết thanh, huyết tương người trên hệ thống cobas c 111.</p> <p>2. Thành phần: Aspartate aminotransferase (4 × 100 tests)</p> <p>R1: Đệm TRIS: 264 mmol/L, pH 7.8 (37 °C); L-aspartate: 792 mmol/L; MDH (tim heo): ≥ 24 µkat/L; LDH (vi sinh): ≥ 48 µkat/L; albumin (bò): 0.25 %; chất bảo quản PYP: Pyridoxal phosphate (DL): 730 µmol/L; chất bảo quản.</p> <p>SR: NADH (nấm men): ≥ 1.7 mmol/L; 2-oxoglutarate: 94 mmol/L; chất bảo quản</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	04657543190	Roche Diagnostics GmbH-Đức	400 tests/hộp	2	
10	Chất thử sinh hóa dùng cho máy phân tích sinh hóa - ALTL, 400T, cobas c 111	<p>1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng alanine aminotransferase (ALT), có hoặc không có hoạt hóa pyridoxal phosphate, trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống cobas c 111</p> <p>2. Thành phần: Alanine aminotransferase acc. IFCC (4 × 100 tests)</p> <p>R1: Đệm TRIS: 224 mmol/L, pH 7.3 (37 °C); L-alanine: 1120 mmol/L; albumin (bò): 0.25 %; LDH (vi sinh): ≥ 45 µkat/L; chất ổn định; chất bảo quản.</p> <p>PYP: Pyridoxal phosphate (DL): 730 µmol/L; chất bảo quản</p> <p>SR: NADH (yeast): ≥ 1.7 mmol/L; 2-oxoglutarate: 94 mmol/L; chất bảo quản, chất phụ gia.</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	04718569190	Roche Diagnostics GmbH-Đức	400 tests/hộp	2	
11	Chất thử sinh hóa - GLUC2, 400T, cobas c 111	<p>1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm in vitro để định lượng glucose trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu người trên hệ thống cobas c 111.</p> <p>2. Thành phần: Glucose HK (4 × 100 tests)</p> <p>R1 Đệm TRIS: 100 mmol/L, pH 7.8; Mg<sup>2+</sup>: 4 mmol/L; ATP: ≥ 1.7 mmol/L; NADP: ≥ 1.0 mmol/L; chất bảo quản</p> <p>SR: Đệm HEPES: 30 mmol/L, pH 7.0; Mg<sup>2+</sup>: 4 mmol/L; HK (nấm men): ≥ 130 µkat/L; G-6-PDH (E. coli): ≥ 250 µkat/L; chất bảo quản</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	04657527190	Roche Diagnostics GmbH-Đức	400 tests/hộp	2	
12	Chất thử sinh hóa - NaCl 9% cobas c 111	<p>1. Mục đích sử dụng: Dung dịch pha loãng NaCl 9% được sử dụng làm dung dịch pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm trên hệ thống cobas c 111.</p> <p>2. Thành phần: NaCl Diluent 9% (4 × 12 mL) NaCl: 9 %</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	04774230190	Roche Diagnostics GmbH-Đức	4x12ml/hộp	2	
13	Dung dịch bảo dưỡng điện cực- Activator for cobas c,Integra,c111	<p>1. Mục đích sử dụng: Activator là một thuốc bảo dưỡng khuyến cáo trong hoạt động bảo dưỡng hàng ngày cho điện cực ISE, ống và kim hút mẫu. Sau khi Activator được đặt trên hệ thống, nó được hút tự động khi hoạt động bảo dưỡng được yêu cầu. Mục đích chính của Activator là hoạt hóa điện cực ISE, để phủ ống ISE và kim hút mẫu đảm bảo thao tác và việc hút mẫu được thực hiện đúng sau quy trình rửa hàng ngày</p> <p>2. Thành phần: Activator (9 × 12 mL)</p>	04663632190	Roche Diagnostics GmbH-Đức	9x12 ml/hộp	1	

		3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng					
14	Dung dịch rửa cho máy phân tích sinh hóa - cobas Integra Cleaner	1. Mục đích sử dụng: Chất tẩy rửa là dung dịch rửa cho các đầu dò mẫu và thuốc thử và ống. 2. Thành phần: Cleaner (1000 mL) HCl 0.3 mol/L 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng	20754765322	Roche Diagnostics GmbH-Đức	1000 ml/hộp	3	
15	Giấy in - URSYS Thermo-printer paper 5 pcs	1. Mục đích sử dụng: Dùng để in kết quả phân tích. 2. Thành phần: Giấy 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ thường 4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng	04352483001	Roche Diagnostics GmbH-Đức	5 pcs/hộp	1	
16	Khay phản ứng bằng nhựa- Micro Cuvette Segment	1. Mục đích sử dụng: Micro Cuvette Segment được thiết kế để sử dụng như vật tư tiêu hao IVD cho máy phân tích cobas c 111. 2. Thành phần: hộp chứa 1680 cuvette (7 bộ phận nhựa × 24) 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng	04357108001	Roche Diagnostics GmbH-Đức	168 seg x10cuvet/ hộp	4	
17	Dung dịch rửa dùng cho máy cobas c 111 - ISE Deproteinizer, cobas c 111	1. Mục đích sử dụng: ISE Deproteinizer là dung dịch vệ sinh dùng cho môđun COBAS INTEGRA và cobas c 111 ISE để vệ sinh điện cực chọn lọc ion và dùng cho hệ thống cobas c để vệ sinh dòng chảy ISE. 2. Thành phần: ISE Deproteinizer (2 × 11 mL) 3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng	04838181001	Roche Diagnostics GmbH-Đức	2x11ml/hộp	3	
18	Chất định chuẩn- Cfas 12x3ML	1. Mục đích sử dụng: Calibrator for automated systems (C.f.a.s.) được dùng trong chuẩn định các phương pháp định lượng của Roche trên các máy phân tích hóa học lâm sàng của Roche theo như quy định trong tờ giá trị 2. Thành phần: 12 x 3 mL Calibrator 3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng	10759350190	Roche Diagnostics GmbH-Đức	12x3 ml/hộp	1	
19	Dung dịch kiểm chuẩn 1- PreciControl ClinChem Multi 1, 4x5 ml	1. Mục đích sử dụng: PreciControl ClinChem Multi 1 được sử dụng trong kiểm soát chất lượng bằng cách theo dõi độ đúng và độ chính xác cho các phương pháp định lượng quy định trong tờ giá trị. 2. Thành phần: 4 x 5 mL Control 3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng	05947626190	Roche Diagnostics GmbH-Đức	4x5ml/hộp	1	
20	Dung dịch kiểm chuẩn 2 - PreciControl ClinChem Multi 2, 4x5 ml	1. Mục đích sử dụng: PreciControl ClinChem Multi 2 được sử dụng trong kiểm soát chất lượng bằng cách theo dõi độ đúng và độ chính xác cho các phương pháp định lượng quy định trong tờ giá trị. 2. Thành phần: 4 x 5 mL Control 3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng	05947774190	Roche Diagnostics GmbH-Đức	4x5ml/hộp	1	

21	Sinh phẩm in vitro dùng để định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B(HBsAg)-HBsAg G2 Elecsys cobas e 100 V2	<p>1. Mục đích sử dụng: xét nghiệm miễn dịch in vitro để xác định định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người.</p> <p>2. Thành phần: Bộ thuốc thử (M, R1, R2) được dán nhãn HBSAG II</p> <p>M: Vi hạt phủ streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6.5 mL: Vi hạt phủ streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.</p> <p>R1:Anti-HBsAg-Ab~biotin (nắp xám), 1 chai, 8 mL: Hai kháng thể đơn dòng đặc hiệu kháng HBsAg (chuột) &gt; 0.5 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.5; chất bảo quản</p> <p>R2: Anti-HBsAg-Ab~Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 7 mL: Kháng thể đơn dòng kháng HBsAg (chuột), kháng thể đa dòng kháng HBsAg (cừu) đánh dấu phức hợp ruthenium &gt; 1.5 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 8.0; chất bảo quản HBSAG II Cal1: Mẫu chuẩn âm tính 1 (nắp trắng), 2 chai mỗi chai 1.3 mL; Huyết thanh người; chất bảo quản</p> <p>HBSAG II Cal2: Mẫu chuẩn dương tính 2 (nắp đen), 2 chai mỗi chai 1.3 mL; HBsAg khoảng 0.5 IU/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	08814856190	Roche Diagnostics GmbH-Đức	100 tests/hộp	30	
22	Dung dịch kiểm chuẩn - PreciControl HBsAg II	<p>1. Mục đích sử dụng: PreciControl HBsAg II được sử dụng để kiểm soát chất lượng của xét nghiệm miễn dịch Elecsys HBsAg II và Elecsys HBsAg II Auto Confirm trên máy phân tích miễn dịch cobas e.</p> <p>2. Thành phần:</p> <p>PC HBSAGIII: 8 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL huyết thanh chứng. Huyết thanh người, âm tính với HBsAg; chất bảo quản. Khoảng giới hạn đích cho chỉ số ngưỡng: 0.0-0.80</p> <p>PC HBSAGII2: 8 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL huyết thanh chứng, HBsAg (người) khoảng 0.2 IU/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản. Khoảng giới hạn đích cho chỉ số ngưỡng: 2.6-5.0</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	04687876190	Roche Diagnostics GmbH-Đức	16 x 1.3ml /hộp	2	

23	Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng kháng thể của người kháng kháng nguyên bề mặt của vi rút viêm gan B (HBsAg)- Anti-HBs G2 Elecsys cobas e 100 V2	<p>1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm miễn dịch in vitro để định lượng kháng thể của con người trong ống nghiệm đối với kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương của con người.</p> <p>2. Thành phần: Giá dụng thuốc thử (M, R1, R2) được dán nhãn là A-HBS 2 M: Vi hạt phủ streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6.5 mL; Vi hạt phủ streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản Các hạt vi phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.</p> <p>R1: HBsAg~biotin (nắp xám), 1 chai, 10 mL: HBsAg (ad/ay) người/tái tổ hợp đánh dấu biotin, &gt; 0.5 mg/L; đệm MESb) 85 mmol/L, pH 6.5; chất bảo quản.</p> <p>R2: HBsAg~Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 8 mL: HBsAg (ad/ay) người/tái tổ hợp, đánh dấu phức hợp ruthenium &gt; 0.3 mg/L; đệm MES 85 mmol/L, pH 6.5; chất bảo quản.</p> <p>A-HBSII Cal1: Mẫu chuẩn 1 (nắp trắng), 2 chai, mỗi chai pha 1.3 mL: Anti-HBs (người) trong huyết thanh người; chất bảo quản.</p> <p>A-HBSII Cal2: Mẫu chuẩn 2 (nắp đen), 2 chai mỗi chai pha 1.3 mL: Anti-HBs (người) trong huyết thanh người; chất bảo quản</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	08498598190	Roche Diagnostics GmbH-Đức	100 tests	32
24	Chất thử miễn dịch - PreciControl Anti-HBs	<p>1. Mục đích sử dụng: PreciControl Anti-HBs được sử dụng để kiểm soát chất lượng xét nghiệm miễn dịch Elecsys Anti-HBs II trên máy phân tích miễn dịch cobas e.</p> <p>2. Thành phần:</p> <p>PC A-HBS1: : 8 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng HBs; chất bảo quản; Khoảng nồng độ đích cho kháng thể kháng HBs: ≤ 5 IU/L</p> <p>PC A-HBS2: 8 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL huyết thanh chứng Kháng thể kháng HBs (người) khoảng 100 IU/L trong huyết thanh người; chất bảo quản.</p> <p>Khoảng nồng độ đích cho kháng thể kháng HBs: 60-150 IU/L</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	11876317122	Roche Diagnostics GmbH-Đức	16 x 1.3 ml/hộp	2

25	Chất thử miễn dịch dùng cho máy phân tích miễn dịch - Rubella IgG Elecsys cobas e 100	<p>1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm miễn dịch để định lượng kháng thể IgG đối với vi-rút Rubella trong huyết thanh và huyết tương người.</p> <p>2. Thành phần: Gói thuốc thử (M, R1, R2) được dán nhãn là RUBIGG. M: Các hạt vi phủ Streptavidin (nắp trong suốt), 1 chai, 6,5 mL: Các hạt vi phủ Streptavidin 0,72 mg/mL; chất bảo quản. R1: Anti-h IgG-Ab~biotin (nắp xám), 1 chai, 10 mL, pH 6,8; chất bảo quản. R2: Anti-Rubella-Ab-fragment~Ru(bpy), E1~biotin tái tổ hợp, E1~Ru(bpy) tái tổ hợp (nắp đen), 1 chai, 10 mL, pH 6,8; chất bảo quản. RUBIGG Cal1: Chuẩn độ âm tính 1 (nắp trắng), 2 chai, 1,0 mL RUBIGG Cal2: Chuẩn độ dương tính 2 (nắp đen), 2 chai, 1,0 mL</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	04618793190	Roche Diagnostics GmbH-Đức	100 tests/hộp	5	
26	Dung dịch kiểm chuẩn - PreciControl Rubella IgG	<p>1. Mục đích sử dụng: PreciControl Rubella IgG được sử dụng để kiểm soát chất lượng xét nghiệm miễn dịch Elecsys Rubella IgG trên máy phân tích miễn dịch cobas e.</p> <p>2. Thành phần: PC RUBIGG1: 8 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL huyết thanh. Huyết thanh người, âm tính đến dương tính thấp với kháng thể IgG kháng Rubella (khoảng 4 IU/mL); chất bảo quản. PC RUBIGG2: 8 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL huyết thanh. Huyết thanh người, âm tính đến dương tính thấp với kháng thể IgG kháng Rubella (khoảng 4 IU/mL), chất bảo quản;</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	04618807190	Roche Diagnostics GmbH-Đức	16 x 1 ml/hộp	1	
27	Dung dịch rửa cho máy phân tích sinh hóa- ISE cleaning solution Sys Clean	<p>1. Mục đích sử dụng: Để làm sạch đơn vị ISE trên máy phân tích Roche/Hitachi.Dùng để vệ sinh máy phân tích miễn dịch Elecsys và cobas e.</p> <p>2. Thành phần: 5 chai, mỗi chai chứa 100 mL Natri hydroxit 3 mol/L Dung dịch natri hypoclorit (&lt; 2% clo hoạt tính) Phụ gia</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	11298500316	Roche Diagnostics GmbH-Đức	5x100 ml/hộp	1	
28	Đầu côn bằng nhựa dùng trên máy phân tích miễn dịch cobas e411 - ASSAY TIP ELECSYS 2010/cobas e411	<p>1. Mục đích sử dụng: Đầu côn bằng nhựa dùng trên máy phân tích miễn dịch.</p> <p>2. Thành phần: Một hộp chứa 30x120 tip</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ thường</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	11706799001	Roche Diagnostics GmbH-Đức	30x120 pcs/hộp	4	
29	Dung dịch rửa cho máy phân tích miễn dịch- ProCell Elecsys,cobas e	<p>1. Mục đích sử dụng: Dung dịch để tạo tín hiệu điện hóa trong máy phân tích miễn dịch cobas e 411.</p> <p>2. Thành phần: 6 x 380 mL dung dịch đậm Đ.dense phosphat 300 mmol/L, tripropylamine 180 mmol/L; chất tẩy rửa ≤ 0,1 %; chất bảo quản, pH 6,8</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ thường</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	11662988122	Roche Diagnostics GmbH-Đức	6 x 380 ml/hộp	11	

ndata.nihe\_Dinh Thi Anh

30	Dung dịch rửa cho máy phân tích miễn dịch- CleanCell Elecsys,cobas e	<p>1. Mục đích sử dụng: Dung dịch để vệ sinh bộ phận phát hiện của máy phân tích miễn dịch cobas e 411.</p> <p>2. Thành phần: 6 x 380 mL dung dịch làm sạch cell do lưỡng KOH 176 mmol/L (tương ứng với pH 13,2); chất tẩy rửa ≤ 1%.</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ thường</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	11662970122	Roche Diagnostics GmbH-Đức	6 x 380 ml/hộp	10	
31	Dung dịch rửa- Sys Wash Elecsys,cobas e	<p>1. Mục đích sử dụng: Được sử dụng là chất phụ gia cho bình chứa nước cất cho máy phân tích miễn dịch.</p> <p>2. Thành phần: Dung dịch rửa</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	11930346122	Roche Diagnostics GmbH-Đức	500 ml/hộp	5	
32	Bộ ống cao su dùng cho máy phân tích miễn dịch - KIT MAINTENANCE E2010/ E411 6 MONTHS	<p>1. Mục đích sử dụng: Dùng để bảo trì thiết bị</p> <p>2. Thành phần: Bộ ống cao su</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ thường</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	07938071001	Nhật Bản	PC/hộp	1	
33	Cốc băng nhựa dùng để đựng thuốc thử - Cobas sample cup 5000pcs	<p>1. Mục đích sử dụng: Cốc đựng mẫu là phụ kiện đựng thuốc thử dùng cho các hệ thống máy.</p> <p>2. Thành phần: Hộp bao gồm 20 x 250 cốc</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ thường</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	10394246001	Áo	5000 cups/hộp	1	
34	Determine™ HbsAg 2	<p>1. Mục đích sử dụng: Để phát hiện HBsAg trong huyết thanh/ huyết tương</p> <p>2. Thành phần: 100 test/ hộp</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: &gt;6 tháng</p>	7D2943	Abbott Diagnostics Medical Co., Ltd – Nhật Bản	100 Test/hộp	2	
35	Nhóm máu ABO	<p>1.Mục đích sử dụng: Dùng để phát hiện kháng nguyên A,B trên bề mặt hồng cầu</p> <p>2. Thành phần: AntiA 10 ml, AntiB: 10ml, AntiAB:10 ml</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: &gt;6 tháng</p>		SPECTRUM - Ai Cập	111 mẫu/bộ	1	
36	Nhóm máu Rh	<p>1.Mục đích sử dụng: Dùng để phát hiện kháng nguyên D trên bề mặt hồng cầu</p> <p>2. Thành phần: AntiD 10 ml</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: &gt;6 tháng</p>		SPECTRUM - Ai Cập	83 mẫu/ bộ	1	

**PHỤ LỤC 2**  
**YÊU CẦU CHÀO GIÁ**

**1. Tư cách hợp lệ của Nhà cung cấp:**

**1.1. Nhà cung cấp là tổ chức/hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:**

a) Nhà cung cấp là tổ chức: Đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam/pháp luật nước ngoài (đối với nhà cung cấp nước ngoài); Nhà cung cấp là hộ kinh doanh: Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Hạch toán tài chính độc lập (đối với nhà cung cấp là tổ chức);

c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể/chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

d) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của Pháp luật (tại Điều 6 của Luật Đấu thầu);

đ) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật(tại khoản 3 Điều 87 của Luật đấu thầu);

e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

g) Có tên trong danh sách ngắn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngắn;

h) Đối với nhà thầu nước ngoài, phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ phần công việc nào của gói thầu.

**1.2. Nhà cung cấp là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:**

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;

b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định;

c) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật (tại khoản 3 Điều 87 của Luật đấu thầu);

d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

**2. Hàng hóa được cung cấp:**

(Tùy vào từng loại hàng hóa cụ thể mà có thể đưa ra các thông tin cho phù hợp)

- **Đối với hàng hóa:** Ngoài các thông tin như tại Phụ lục 1, hàng hóa được chào phải có đầy đủ thông tin về mã (code) hàng hóa, xuất xứ (hãng, nước sản xuất), hạn sử dụng (nếu có).

**3. Giá ghi trong Bản chào giá:** là giá phải bao gồm tất cả các chi phí để hoàn thành gói cung cấp theo yêu cầu (bao gồm cả VAT, phí, lệ phí,...).

**4. Thời gian thực hiện:**

- **Thời gian giao hàng:** ghi rõ thời gian, kể từ ngày ký hợp đồng.

**5. Thời hạn của báo giá:** ghi rõ thời gian báo giá có hiệu lực, kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ chào giá.

**6. Các thông tin khác:**

**6.1. Bản chào giá phải có họ tên, chữ ký và đóng dấu của Đơn vị gửi báo giá**

**6.2. Có thông tin đầy đủ của Đơn vị gửi báo giá** (thông tin trong đăng ký kinh doanh)

- Tên pháp nhân của đơn vị
- Địa chỉ trụ sở chính và Văn phòng đại diện (nếu có)
- Số điện thoại
- Fax
- Số tài khoản, Ngân hàng
- Mã số thuế

**6.3. Các yêu cầu khác (nếu có).**

### PHỤ LỤC 3. MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số /VSDDTTU-TTĐV ngày tháng năm 2025)

TÊN CÔNG TY  
Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc.

### BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương  
Công ty. <...> có địa chỉ tại <...>. Chúng tôi xin gửi tới Quý Viện bản chào giá các mặt hàng như sau:

Bảng 1: Hàng hóa

STT	Tên hàng hóa (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật/Nội dung chi tiết(*)	Đóng gói, đơn vị tính	Số lượng mồi chào giá	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)

Ghi chú:

- Giá báo trên đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, giao hàng theo và toàn bộ các chi phí, lệ phí liên quan để cung cấp hàng hoá.
- Các điều khoản: Hàng hóa mới 100%, Thời gian giao hàng: ..... , phương thức thanh toán: .....
- Hiệu lực của báo giá: trong vòng ... ngày kể từ ngày ký (ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày).
- Chúng tôi cam kết không trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự đấu thầu theo quyết định của người có thẩm quyền. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Giá trị của hàng hóa là phù hợp, không vi phạm pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá. Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2025

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY  
(Ký tên, đóng dấu)